

Số 459/BC-UBND

Khánh Sơn, ngày 15 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn 6 tháng
đầu năm 2019 và đề xuất điều chỉnh kế hoạch năm 2019**

Thực hiện Công văn số 1703/SLĐTBXH-GDNN ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Khánh Hòa, về việc báo cáo tình hình thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn 6 tháng đầu năm và đề xuất điều chỉnh kế hoạch năm 2019.

Ủy ban nhân dân huyện Khánh Sơn báo cáo kết quả thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn 6 tháng đầu năm 2019 và đề xuất điều chỉnh kế hoạch năm 2019 trên địa bàn huyện, như sau:

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO
NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

**1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo nghề cho lao động
nông thôn 6 tháng đầu năm 2019**

**1.1. Tình hình thực hiện kế hoạch dạy nghề cho lao động nông thôn 6 tháng
đầu năm 2019**

- Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương. Sau khi nhận được Công văn số 1524/UBND-KGVX ngày 20/02/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa, về việc kế hoạch dạy nghề cho lao động nông thôn năm 2019 theo Đề án 1956 trên địa bàn tỉnh, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 13/3/2019, về việc phê duyệt kế hoạch đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn năm 2019, gồm: 08 lớp (03 lớp May, 04 lớp Xây dựng nề và 01 lớp Nấu ăn), với số người học là 280 người và kinh phí hỗ trợ là 900.000.000 đồng.

- Trong 6 tháng đầu năm 2019, số lớp đã triển khai thực hiện là: 02 lớp nghề phi nông nghiệp và 02 lớp nghề nông nghiệp.

- Tổng số lao động nông thôn tham gia học nghề là 130 người, trong đó:

+ Đào tạo cán bộ, công chức xã: 0 người;

+ Nghề phi nông nghiệp là: 70 người;

+ Nghề nông nghiệp là: 60 người.

1.2. Tình hình quản lý hoạt động dạy nghề:

- Phòng Lao động - TB&XH huyện được giao ký hợp đồng đào tạo các lớp dạy nghề phi nông nghiệp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp. 6 tháng đầu năm 2019,



Phòng đã ký hợp đồng đào tạo với Trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú Khánh Sơn là 02 lớp May (Mở tại xã Sơn Lâm với 70 học viên đăng ký học).

- Hồ sơ, sổ sách và chứng từ liên quan đến các lớp dạy nghề được thực hiện đầy đủ theo hướng dẫn tại Công văn số 1178/SLĐT BXH-DN ngày 25/10/2011 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Khánh Hòa về việc hướng dẫn thực hiện quyết toán các lớp dạy nghề lao động nông thôn theo Đề án 1956.

1.3. Kết quả dạy nghề cho lao động nông thôn 6 tháng đầu năm 2019

Tên chỉ tiêu	Hướng dẫn chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
KẾT QUẢ THỰC HIỆN	1. Tổng số lớp dạy nghề đã tổ chức, phân theo:		04	
	- Nông nghiệp	Lớp	02	
	- Làng nghề	Lớp	0	
	- Công nghiệp - Dịch vụ	Lớp	02	
	- Đánh bắt xa bờ	Lớp	0	
	2. Số LĐNT được học nghề trong 6 tháng đầu năm trên địa bàn phân theo:	Người	130	
	- Nông nghiệp	Người	60	
	+ Đối tượng 1	Người	47	
	+ Đối tượng 3	Người	13	
	- Làng nghề	Người	0	
	- Công nghiệp - Dịch vụ	Người	70	
	+ Đối tượng 1	Người	70	
	+ Đối tượng 3	Người	0	
	- Đánh bắt xa bờ	Người	0	
3. Số cán bộ công chức xã đã được đào tạo, bồi dưỡng	Người	0		
4. Tỷ lệ LĐNT được học nghề phi nông nghiệp trong năm: Số LĐNT được học nghề phi nông nghiệp <hr/> Tổng số người có nhu cầu học nghề phi nông nghiệp	%	25		
5. Số hộ được vay vốn (phân theo các nguồn: ngân hàng chính sách - xã hội, Quỹ QGGQVL ... sau học nghề)	Hộ	0		
HIỆU QUẢ	1. Số LĐNT sau khi được học nghề làm đúng với nghề được đào tạo phân theo:	Người	0	

HOẠT ĐỘNG DẠY NGHỀ CHO LĐNT	- Số LĐNT sau học nghề thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp:	Người	0	
	- Số LĐNT tự tạo việc làm	Người	0	
	- Số LĐNT được doanh nghiệp tuyển dụng	Người	0	
	2. Tỷ lệ LĐNT làm đúng nghề được đào tạo	Người		
	- Tỷ lệ LĐNT làm nông nghiệp	%	0	
	- Tỷ lệ LĐNT làm công nghiệp	%	0	
	3. Số hộ gia đình có người tham gia học nghề được thoát nghèo sau 1 năm học nghề	Hộ	0	
	4. Số hộ gia đình có người tham gia học nghề trở thành hộ khá (thống kê sau 1 năm học nghề)	Hộ	0	
	5. Số doanh nghiệp/đơn vị thực hiện đúng cam kết đã ký	Đơn vị	01	
	6. Số xã có hộ sau khi học nghề trở thành khá (thống kê sau 1 năm học nghề)	Xã(hộ)	0	
7. Tỷ lệ lao động trong xã chuyển từ lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp sau học nghề	%			

2. Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện công tác kiểm tra, giám sát; thực hiện công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm gắn với nhu cầu xã hội và doanh nghiệp trên địa bàn huyện theo kinh phí được bố trí

2.1. Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện công tác kiểm tra, giám sát

6 tháng đầu năm 2019, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công tác kiểm tra, giám sát số 178/KH-LĐTBXH ngày 05/4/2019, về kiểm tra, giám sát các lớp dạy nghề theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện. Các lớp đào tạo nghề trên địa bàn huyện thường xuyên được Phòng Lao động - TB&XH tiến hành kiểm tra giám sát, mỗi lớp từ 3 đến 4 lần.

2.2. Thực hiện công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm gắn với nhu cầu xã hội và doanh nghiệp trên địa bàn huyện theo kinh phí được bố trí

Công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm gắn với nhu cầu xã hội và doanh nghiệp trên địa bàn huyện được thực hiện thường xuyên và bằng nhiều hình thức như: Phát tờ rơi, trên đài Truyền thanh - Truyền hình huyện, thông báo các phiên giao dịch việc làm. Dự kiến trong tháng 7 năm 2019, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện sẽ xây dựng 01 pa nô tuyên truyền về dạy nghề theo kinh phí đã được bố trí đầu năm là 10.000.000 đồng.

3. Báo cáo chỉ tiêu giám sát, đánh giá thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 được ban hành tại Quyết định số 736/QĐ-LĐTBXH ngày 29/5/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Báo cáo kết quả chỉ tiêu giám sát, đánh giá thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 được ban hành tại Quyết định số 736/QĐ-LĐTĐ ngày 29/5/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trên địa bàn huyện (Cụ thể, kèm theo Phụ lục 1).

4. Thuận lợi và khó khăn

4.1. Thuận lợi:

Công tác đào tạo nghề trên địa bàn huyện luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan, đoàn thể và UBND các xã, thị trấn.

4.2. Khó khăn:

Một số lao động nông thôn vẫn chưa nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc học nghề nên chưa chủ động đăng ký học nghề; Các lớp dạy nghề cho lao động nông thôn thường phải thực hiện linh hoạt phù hợp với thời gian của người lao động nên đã gây khó khăn trong công tác quản lý các lớp học.

II. ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH DẠY NGHỀ PHI NÔNG NGHIỆP CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM 2019

Theo tình hình thực tế về nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Khánh Sơn năm 2019 có sự thay đổi nên không thể thực hiện theo kế hoạch mà UBND tỉnh đã phân bổ. UBND huyện Khánh Sơn đề xuất với Sở Lao động - TB&XH tỉnh Khánh Hòa, UBND tỉnh Khánh Hòa điều chỉnh lại kế hoạch dạy nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn năm 2019 theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ, gồm: 04 lớp May, 03 lớp Xây dựng nề và 01 lớp Nấu ăn), số người đăng ký học nghề là 280 người, với kinh phí hỗ trợ là 900.000.000 đồng.

(Cụ thể, kèm theo Phụ lục 2)

Trên đây, là báo cáo kết quả thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn 6 tháng đầu năm 2019 và đề xuất điều chỉnh kế hoạch năm 2019 trên địa bàn huyện Khánh Sơn./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động - TB&XH Khánh Hòa (VBĐT);
- Lưu: VT, LĐTĐ. *M*



Nguyễn Văn Nhuận

**CHỈ TIÊU GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO NGHỀ CHO
LAO ĐỘNG NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2020**

(Kèm theo Báo cáo số 45q/BC-UBND ngày 15/7/2019 của UBND huyện Khánh Sơn)

Tên chỉ tiêu	Hướng dẫn chỉ tiêu	Kết quả thực hiện
I. CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH	1. Công tác kiểm tra, giám sát về đào tạo nghề cho lao động nông thôn	- Tổng số đoàn kiểm tra, giám sát của địa phương (huyện) thực hiện trong kỳ báo cáo: 01 đoàn. % so với kế hoạch năm và cùng kỳ năm trước: 100%. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 10 đoàn.
	2. Danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt	- Tổng số nghề trong kỳ báo cáo: 02 nghề. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 11 nghề.
	2.1. Nghề nông nghiệp	- Số nghề trong kỳ báo cáo: + Nghề nông nghiệp: 01; + Nghề phi nông nghiệp: 01 - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: + Nghề nông nghiệp: 06; + Nghề phi nông nghiệp: 05.
	2.2. Nghề phi nông nghiệp	
	3. Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn và đào tạo, bồi dưỡng công chức xã được phê duyệt	- Số quyết định phê duyệt trong năm báo cáo: 01. - Số lượng và tên nội dung hoạt động được bố trí kinh phí thực hiện: + Kinh phí hỗ trợ cho lao động nông thôn học nghề: 900.000.000 đồng; + Kinh phí kiểm tra, đánh giá: 5.000.000 đồng; + Kinh phí tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm gắn với nhu cầu xã hội và doanh nghiệp: 10.000.000 đồng.
	4. Số nghề đào tạo cho lao động nông thôn đã xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, được UBND cấp tỉnh phê duyệt	- Số nghề trong kỳ báo cáo: 02 nghề.
	5. Số nghề đào tạo cho lao động nông thôn đã xây dựng định mức chi phí đào tạo, đơn giá đặt hàng [5] được UBND cấp tỉnh phê duyệt	- Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 11 nghề.
6. Số lượng các văn bản của cấp tỉnh, các sở,	- Số lượng văn bản trong kỳ	

Tên chỉ tiêu	Hướng dẫn chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	
	ngành, địa phương hướng dẫn, chỉ đạo về đào tạo nghề cho lao động nông thôn được ban hành	báo cáo: 02 - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 16	
	7. Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề của cấp tỉnh ban hành đang áp dụng riêng tại địa phương[7]	- Số nghị quyết/quyết định ban hành trong kỳ báo cáo: 0. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 0.	
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN	8. Công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề cho lao động nông thôn	- Số lượng tin, bài, chuyên đề, phóng sự được phát trên các báo, đài, trang điện tử của các cơ quan, ban ngành địa phương trong kỳ báo cáo: 01. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 10.	
	9. Số chương trình, giáo trình được cập nhật, chỉnh sửa hoặc xây dựng mới	- Số lượng trong kỳ báo cáo. % so với kế hoạch năm và cùng kỳ năm trước: 0. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 0.	
	9.1. Số chương trình đào tạo nghề nông nghiệp	- Số lượng trong kỳ báo cáo. % so với kế hoạch năm và cùng kỳ năm trước: 0. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 0.	
	9.2. Số chương trình đào tạo nghề phi nông nghiệp		
	10. Số giáo viên/người dạy nghề được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm/ kỹ năng dạy học	- Số lượng giáo viên: 0; số lượng người dạy nghề trong kỳ báo cáo: 0. % so với kế hoạch năm và cùng kỳ năm trước: 0. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 0. So sánh với chỉ tiêu kế hoạch trong Đề án: 0.	
	11. Tổng số lao động nông thôn được tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp (Nghề phi nông nghiệp)	- Tổng số người trong kỳ báo cáo: 70 người. % so với kế hoạch năm là 25% và so với cùng kỳ năm trước là 100%. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo. So sánh với chỉ tiêu kế hoạch trong Đề án.	
	11.1. Chia theo cấp trình độ đào tạo		- Số người trong kỳ báo cáo: 70 người được tuyển sinh đào tạo dưới 3 tháng. - 25% so với tổng số lao động nông thôn được tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp (11) - 25 % so với kế hoạch năm và 100% so với cùng kỳ năm trước.
	11.1.1. Số lao động nông thôn được tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng		
	11.1.2. Số lao động nông thôn được tuyển sinh đào tạo trình độ trung cấp		
	11.1.3. Số lao động nông thôn được tuyển sinh đào tạo sơ cấp		
11.1.4. Số lao động nông thôn được tuyển sinh đào tạo dưới 3 tháng			

Tên chỉ tiêu	Hướng dẫn chỉ tiêu	Kết quả thực hiện
		- Lũy kế đến thời điểm báo cáo.
	11.2. Tổng số lao động nông thôn được hỗ trợ đào tạo sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo chính sách quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg chia theo lĩnh vực	- Tổng số người trong kỳ báo cáo. - % so với tổng số lao động nông thôn được tuyển sinh đào tạo sơ cấp tại mục (11.1.3), đào tạo dưới 3 tháng tại mục (11.1.4). - % so với kế hoạch năm và so với cùng kỳ năm trước. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo. So sánh với chỉ tiêu kế hoạch trong Đề án.
	11.2.1. Số người được hỗ trợ học nghề nông nghiệp	- Số người trong kỳ báo cáo: 70 người được hỗ trợ học nghề phi nông nghiệp, 60 người được hỗ trợ học nghề nông nghiệp. - % so với tổng số lao động nông thôn được hỗ trợ đào tạo sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng tại mục (11.2). - % so với kế hoạch năm và so với cùng kỳ năm trước. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo.
	11.2.2. Số người được hỗ trợ học nghề phi nông nghiệp	
	11.3. Tổng số lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng chia theo đối tượng (người thuộc đối tượng nào thì thống kê tổng hợp đầy đủ theo đối tượng đó)	
	11.3.1. Lao động nữ	- Số người trong kỳ báo cáo: 117 người dân tộc thiểu số, 13 người lao động nông thôn không thuộc các đối tượng nêu trên. - % so với tổng số lao động nông thôn được hỗ trợ đào tạo sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng tại mục (11.2). - % so với kế hoạch năm và so với cùng kỳ năm trước. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo.
	11.3.2. Số người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng	
	11.3.3. Số người dân tộc thiểu số	
	11.3.4. Số người thuộc hộ nghèo	
	11.3.5. Số người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác, đất kinh doanh	
	11.3.6. Số người khuyết tật	
	11.3.1. Số người thuộc hộ cận nghèo	
	11.3.8. Số lao động nông thôn không thuộc các đối tượng nêu trên	
	12. Tổng số cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn	- Tổng số trong kỳ báo cáo: 02. - % so với cùng kỳ năm trước: 66,66%.
	12.1. Trường cao đẳng	- Số lượng trong kỳ báo cáo: 01 Trường trung cấp và 01
	12.2. Trường trung cấp	

Tên chỉ tiêu	Hướng dẫn chỉ tiêu	Kết quả thực hiện
	12.3. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp 12.4. Doanh nghiệp 12.5. Cơ sở đào tạo khác	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp. - % so với tổng số cơ sở tại mục (12): 100%. - 66,66% so với cùng kỳ năm trước.
	13. Số cán bộ, công chức xã được đào tạo bồi dưỡng	- Tổng số người trong kỳ báo cáo: 0. % so với kế hoạch năm và so với cùng kỳ năm trước. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo. So sánh với chỉ tiêu kế hoạch trong Đề án.
	14. Tổng số kinh phí (triệu đồng) đã sử dụng	- Tổng số kinh phí trong kỳ báo cáo: 233,1 triệu đồng. 25% so với kế hoạch năm và 100% so với cùng kỳ năm trước. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo. So sánh với chỉ tiêu kế hoạch kinh phí trong Đề án.
	14.1. Chia theo nguồn vốn	
	14.1.1. Ngân sách Trung ương	- Số kinh phí: 233,1 triệu đồng ngân sách Địa phương. - 25,9% so với tổng số kinh phí tại mục (14.1). - % so với kế hoạch năm và so với thực hiện năm trước. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo.
	14.1.2. Ngân sách Địa phương	
	14.1.3. Các nguồn khác	
	14.2. Chia theo nội dung hoạt động	
	14.2.1. Kinh phí hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo nghề[9]	- Số kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho lao động nông thôn: 233,1 triệu đồng. - % so với tổng số kinh phí tại mục (14.1). - % so với kế hoạch năm và so với thực hiện năm trước. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo.
	14.2.2. Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho lao động nông thôn	
	14.2.3. Kinh phí thực hiện các nội dung hoạt động khác về nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn	
	14.2.4. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức xã	
	15. Số người được vay vốn hỗ trợ sản xuất sau học nghề (phân theo các nguồn: Ngân hàng Chính sách - Xã hội, Quỹ QG GQVL, Ngân hàng Nông nghiệp, Ngân hàng thương mại,...).	- Số người trong kỳ báo cáo: 0 người. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 0 người.
III. HIỆU QUẢ	16. Tổng số lao động nông thôn có việc làm sau học nghề	- Tổng số người trong kỳ báo cáo: 0 người. - 0% so với tổng số người được hỗ trợ học nghề tại mục

Tên chỉ tiêu	Hướng dẫn chỉ tiêu	Kết quả thực hiện
		(11.2). - 0% so với năm trước. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo.
	16.1. Chia theo nghề học	
	16.1.1. Số lao động có việc làm sau học nghề nông nghiệp	- Tổng số người trong kỳ báo cáo: 0 người. - % so với tổng số người được hỗ trợ học nghề nông nghiệp tại mục (11.2.1). - % so với năm trước. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo.
	16.1.2. Số lao động có việc làm sau học nghề phi nông nghiệp	- Tổng số người trong kỳ báo cáo: 0 người. - % so với tổng số người được hỗ trợ học nghề nông nghiệp tại mục (11.2.2). - % so với năm trước. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo.
	16.2. Chia theo lĩnh vực công việc	
	16.2.1. Số lao động được doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc theo hợp đồng lao động	- Số người trong kỳ báo cáo: 0 người. - % so với tổng số người có việc làm sau học nghề tại mục (16). - % so với năm trước. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo.
	16.2.2. Số lao động được doanh nghiệp nhận ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm	
	16.2.3. Số lao động tiếp tục làm nghề cũ nhưng năng suất lao động, thu nhập tăng lên	
	16.2.4. Số lao động thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ/nhóm sản xuất...	
	16.2.5. Số lao động tự tạo việc làm	
	17. Số hộ gia đình có người tham gia học nghề được thoát nghèo	- Số hộ thoát nghèo lũy kế đến kỳ báo cáo: 0 hộ. - % so với số hộ có người nghèo được hỗ trợ học nghề.
	18. Số hộ gia đình có người tham gia học nghề trở thành hộ có thu nhập khá	- Số hộ có thu nhập khá lũy kế đến kỳ báo cáo: 0 hộ.

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NGHỀ LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM 2019
(Kèm theo Báo cáo số 59/BC-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2019 của UBND huyện Khánh Sơn)

TT	Tên nghề đào tạo	Kế hoạch giao đầu năm theo Công văn số 1524/UBND-KGVX ngày 20/02/2019 của UBND tỉnh						Kế hoạch điều chỉnh						Ghi chú
		Số lớp	Số người	Mức học phí hỗ trợ (Tr. đồng)	Kinh phí hỗ trợ (Tr. đồng)	Số lớp	Số người	Mức học phí hỗ trợ (Tr. đồng)	Kinh phí hỗ trợ (Tr. đồng)	Cơ sở đào tạo nghề hiện	Doanh nghiệp tuyển dụng sau khi đào tạo nghề			
1	Máy	3	105	2,25	350	4	140	2,25	470	- Trường Trung cấp nghề DTNT Khánh Sơn (02 lớp); - Trường Trung cấp nghề Cam Lâm (02 lớp).	Các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh			
2	Xây dựng nề	4	140	2	440	3	105	2	320	- Trường Trung cấp nghề DTNT Khánh Sơn (02 lớp); - Trường Trung cấp nghề Cam Lâm (01 lớp).	Các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh			
3	Nấu ăn	1	35	2,25	110	1	35	2,25	110	Trường Trung cấp nghề Cam Lâm	Các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh			
Tổng cộng		8	280		900	8	280		900					